

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY
DỰNG DI LINH
524- HÙNG VƯƠNG-THỊ TRẤN DI LINH-DI
LINH-LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP-TỰ DO-HẠNH PHÚC
oOo



Website: DILIWACO.COM
MSDN: 5800831612
Số : 01-2024 /BDH-ĐHCĐ
DỰ THẢO

Di Linh, ngày 20 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO

**Hoạt động năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024
của Ban Điều hành Công ty cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh**
(Trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2024)

Trong năm 2023 vừa qua Hội đồng quản trị (HĐQT) đã tổ chức nhiều phiên họp thường kỳ và phiên họp bất thường để giải quyết các vấn đề lớn của Công ty nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả. Đến ngày 15/6/2023 Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) nhiệm kỳ 2023-2028 và đến ngày 06/9/2023 Hội đồng quản trị đã tổ chức Đại hội cổ đông bất thường Công ty chuyển chủ sở hữu với cơ cấu: các tổ chức nắm giữ 1.229.248 cổ phần chiếm 77,97%; cổ đông cá nhân nắm giữ: 347.412 cổ phần chiếm: 22,03% vốn điều lệ Công ty.

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023.

I. Kết quả giám sát hoạt động của Ban điều hành Công ty:

1. Cơ cấu tổ chức trong Ban điều hành: Ngày 01 tháng 01 năm 2023 Ban điều hành Công ty cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh như sau:

- Ông: Nguyễn Văn Thọ, Chủ tịch HĐQT
- Ông: Nguyễn Hùng Cường, Thành viên HĐQT
- Ông: Nguyễn Đỗ Hùng, Thành viên HĐQT
- Ông: Nguyễn Khắc Dũng, Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc.
- Ông: Nguyễn Văn Dũng, Trưởng Ban kiểm soát

Ngày 15/6/2023 Công ty tổ chức Đại hội cổ đông nhiệm kỳ 2023-2028. Cơ cấu Ban lãnh đạo điều hành Công ty như sau:

- Bà: Lê Thị Kim Anh, Chủ tịch HĐQT
- Ông: Nguyễn Hùng Cường, Thành viên HĐQT
- Ông: Nguyễn Khắc Dũng, Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc.



- Bà: Nguyễn Đỗ Lâm Tuyền, Trưởng ban Kiểm soát

Ngày 06/9/2023 Công ty tổ chức Đại hội cổ đông bất thường. Cơ cấu Ban lãnh đạo điều hành Công ty như sau:

- Ông: Trần Doãn Hải, Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc điều hành.

- Ông: Nguyễn Hùng Cường, Thành viên HĐQT

- Ông: Nguyễn Khắc Dũng, Thành viên HĐQT,

- Bà: Phan Thị Hoàng Linh, Trưởng Ban kiểm soát

2. Kết quả giám sát hoạt động của Ban điều hành Công ty:

Việc giám sát hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh thực hiện theo đúng quy định. Việc chuyển đổi cơ cấu Ban lãnh đạo điều hành mới đã giúp Công ty chủ động trong việc xây dựng kế hoạch, chiến lược SXKD ngắn hạn và dài hạn; nâng cao ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm của người lao động và các cấp quản lý. HĐQT chỉ đạo và giám sát Ban điều hành trên cơ sở tạo điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực và cơ sở vật chất tạo điều kiện để Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Hội đồng quản trị có 4 thành viên đều trực tiếp tham gia điều hành hoạt động của Công ty, đã thực hiện nghiêm túc công việc quản trị theo đúng các quy định, Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực, tuân thủ các chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên HĐQT, luôn hành động vì quyền lợi của Công ty.

Tình hình tài chính của Công ty năm vừa qua cũng gặp khó khăn, giá vật tư trên thị trường luôn biến động tăng như giá mua điện tăng, Hóa chất, Giá chi phí giá đầu vào của ngành nước tăng mạnh, đã tạo sức ép lớn lên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty làm ảnh hưởng nhiều đến doanh thu - lợi nhuận của Công ty. Nguồn vốn bị hạn chế, luân chuyển dòng tiền chậm, chi phí lắp đặt quan trắc, biến tần, sửa chữa các trạm bơm, hệ thống ống nhánh cũ, lắp đặt không đúng kỹ thuật dẫn đến chi phí xử lý bể vỡ, tỷ lệ thất thoát do bể vỡ ngâm cao.

Bên cạnh đó bắt đầu giữa tháng 10/2023 thanh tra Sở Tài nguyên & Môi trường kết luận thanh tra và xử phạt Công ty gần 1 tỷ đồng về sai phạm liên quan đến lĩnh vực đất đai, sai phạm về khai thác tài nguyên nước vượt quá mức quy định của Sở đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình hoạt động của Công ty. Sự việc sai phạm đã kéo dài nhiều năm nhưng phía Công ty không hoàn tất các thủ tục theo pháp luật dẫn đến tình trạng bị xử phạt như trên. Về đất đai dẫn đến sai phạm về thủ tục đất đai: Đất chuyển qua MĐSD là đất phi nông nghiệp và đất tổ chức phải làm hoàn tất hồ sơ thuê đất trình lên UBND tỉnh đúng mục đích, cấp phép theo quy định; Việc quy hoạch về mạng lưới cấp nước không đồng nhất, phát triển khách hàng ồ ạt không theo quy hoạch, mạng lưới đầu nối không đúng thiết kế trong giai đoạn trước đây quản lý lỏng lẻo dẫn đến tình trạng quản lý mạng lưới và điều tiết

nước không phù hợp với đặc thù địa hình của địa phương. Tỷ lệ thất thoát cao 24,61% tăng 122,7% so với kế hoạch đề ra.

II. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, hoạt động giám sát Ban điều hành và sự phối hợp với Ban kiểm sát (BKS):

Hội đồng quản trị: Mặc dù giữa năm 2023 có thay đổi nhân sự, Ban điều hành đã nỗ lực, không ngừng đổi mới tư duy, quyết tâm thực hiện, nói đi đôi với làm, kịp thời xử lý mọi khó khăn trong hoạt động SXKD HĐQT luôn bám sát tình hình thực tiễn, phát huy những thế mạnh, chỉ đạo và định hướng để Ban điều hành hoàn thành thành các mục tiêu, nhiệm vụ được ĐHĐCĐ đề ra, các hoạt động SXKD và dịch vụ đều lấy khách hàng làm trọng tâm; các chiến lược, kế hoạch phát triển khách hàng, phát triển vùng cấp nước, cách thức quản lý, đào tạo đều được chú trọng và triển khai nghiêm túc; HĐQT đã mạnh dạn tạm dừng một số dự án đầu tư vốn lớn mà hiệu quả chưa thật khả thi, chú trọng đầu tư vào công tác chống thất thoát, thất thu, cải tạo, nâng cấp các trạm, giếng. HĐQT cũng quan tâm đến đời sống người lao động như lương, thưởng tết (tháng 13) và các phúc lợi đều được chỉ đạo chi trả đầy đủ theo đúng quy định.

Các thành viên HĐQT đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, tham gia gần như đầy đủ vào các phiên họp hoặc nhanh chóng phản hồi khi nhận được văn bản xin ý kiến theo yêu cầu, hoàn thành trách nhiệm chỉ đạo, giám sát theo quy định. HĐQT đã có sự nhất trí cao khi thông qua các nghị quyết, quyết định nhằm kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành:

Năm 2023 HĐQT đã chỉ đạo sát sao Ban điều hành trong thực thi các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT liên quan đến định hướng chiến lược, hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Ban Điều hành đã rất nỗ lực, năng động để thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh đã được ĐHĐCĐ giao; đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT theo đúng định hướng phát triển và tầm nhìn của Công ty, hoạt động sản xuất, kinh doanh ngày càng hiệu quả, đáp ứng nhu cầu thị trường. Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên HĐQT không tham gia điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ. Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình tài chính, tình hình đầu tư và SXKD đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để HĐQT có ý kiến chỉ đạo. Trên cơ sở này, HĐQT có điều kiện giám sát chặt chẽ Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT; Giám đốc đã nhanh chóng báo cáo tất cả các vấn đề phát sinh bất thường liên quan đến hoạt động của Công ty qua đó nhiều vấn đề khó khăn kịp thời được HĐQT chỉ đạo giải quyết.

Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS:

HĐQT tổ chức các cuộc họp giao ban đều có sự tham dự của BKS, Ban Kiểm soát viên đã đưa ra các ý kiến kịp thời đối với chủ trương, quyết định của HĐQT, Ban

Điều hành. HĐQT đã chủ động thông báo, trao đổi và thống nhất với BKS về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát tại Công ty, cũng như HĐQT đã tạo điều kiện cho BKS thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.

III. Một số kết quả đạt được trong năm 2023: Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban điều hành đã triển khai kế hoạch, phương hướng hàng năm, xác định chiến lược, mục tiêu sản xuất, kinh doanh và giao cho Ban điều hành triển khai thực hiện; đồng thời, HĐQT cũng theo sát, kịp thời giải quyết những khó khăn cho Ban điều hành do đó trong năm 2023 Công ty đã thực hiện kế hoạch đề ra cụ thể như sau:

1. Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023:

Stt	Chỉ Tiêu	Số Tiền
A	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	
I	Vốn điều lệ	15.766.600.000
II	Vốn chủ sở hữu	17.442.485.442
III	Tổng tài sản	27.363.033.574
1	Tài sản ngắn hạn	2.923.178.468
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	105.179.761
	- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	
	- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.084.847.942
	- Hàng tồn kho	1.717.087.678
	- Tài sản ngắn hạn khác	16.063.087
2	Tài sản dài hạn	24.439.855.106
	- Các khoản phải thu dài hạn	-
	- Tài sản cố định	21.392.211.631
	- Tài sản dở dang dài hạn	676.547.802
	- Đầu tư tài chính dài hạn	-
	- Tài sản dài hạn khác	2.371.095.673
B	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.385.886.827
2	Giá vốn hàng bán	13.764.852.973
Stt	Chỉ Tiêu	Số Tiền
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.621.033.854
4	Doanh thu hoạt động tài chính	821.174
5	Chi phí tài chính	745.525.525
6	Chi phí bán hàng	164.745.015
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.968.807.267
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.742.777.221
9	Thu nhập khác	64.682.919
10	Chi phí khác	1.014.428.324
11	Lợi nhuận khác	(949.745.405)
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	793.031.816
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	360.272.835
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	432.758.981

2. Các hoạt động khác:

2.1 Công tác quản trị nhân sự: trong 6 tháng cuối năm 2023 đã có thay đổi và hoàn thiện dần bộ máy quản lý điều hành, áp dụng nguyên tắc quản trị theo mô hình trực tuyến, có cơ chế phân cấp, phân quyền rõ ràng, cụ thể; phù hợp với khả năng chuyên môn cá nhân. Xây dựng mới và dần hoàn thiện cơ chế phân phối tiền lương, tiền thưởng theo nguyên tắc công bằng, hợp lý. Tái cấu trúc lại bộ máy và mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn, chất lượng; đổi mới và tăng cường công tác đào tạo theo hướng nâng cao chất lượng chuyên môn theo thực tế công việc đảm nhiệm.

2.2 Công tác rà soát sửa đổi bổ sung và xây dựng mới hệ thống Quy phạm nội bộ, cơ chế chính sách trong lĩnh vực SXKD và trong công tác quản trị điều hành, đảm bảo phù hợp với những thay đổi khung pháp lý, môi trường kinh doanh.

2.3 Từng bước nghiên cứu, áp dụng chuyển đổi số với từng lĩnh vực hoạt động của Công ty, đang xây dựng lộ trình chuyển đổi hợp lý để thay đổi nhận thức, tư duy quản lý công việc và văn hóa tổ chức, cung cấp những thông tin, dữ liệu một cách nhanh chóng, giảm thiểu tối đa chi phí vận hành, duy trì được yếu tố lợi thế cạnh tranh của Công ty.

2.4 Hoạt động tài chính: HĐQT luôn nắm bắt kịp thời tình hình tài chính của Công ty, giám sát chặt chẽ chi tiêu, bảo đảm an toàn nguồn vốn, kinh doanh hiệu quả; kiểm soát dòng tiền, kiểm kê tài sản và đảm bảo nguồn vốn không bị thất thoát.

Ban Điều hành luôn hoàn thành báo cáo tài chính tổng hợp Công ty theo 6 tháng và hàng năm, sau đó số liệu kế toán đều được các Công ty Kiểm toán thực hiện kiểm toán; thực hiện tốt công tác cung cấp số liệu kế toán cho Ban kiểm soát Công ty phục vụ kiểm soát số liệu kế toán tháng, quý, năm và phục vụ công tác kiểm tra thuế hàng năm của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng.

Chi trả cổ tức đầy đủ và bảo đảm thời hạn theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên.

· Chế độ chính sách cho người lao động: Giải quyết chế độ cho người lao động, nghỉ việc đúng thời gian quy định, người lao động cần được đào tạo tay nghề thường xuyên; bảo đảm quy trình sản xuất an toàn, kế hoạch sản xuất được dự trù và phân bổ hợp lý, việc phân công ca, kíp hợp lý giúp bảo đảm tình trạng thể chất của người lao động, giúp tăng năng suất lao động; bảo đảm việc chi trả đầy đủ tiền lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi của người lao động; công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường,...

11/21/2023 12:11

được tuân thủ và thực hiện nghiêm túc.

2.5 Công tác Sản xuất - Đầu tư, xây dựng cơ bản: Hoạt động sản xuất là chiến lược mang lại lợi ích bền vững cho Công ty, vì vậy, HĐQT luôn chú trọng đầu tư, nâng cấp nguồn nước, trạm bơm nước, hệ thống máy móc, nhà xưởng; thường xuyên bổ sung, nâng cấp máy móc phục vụ sản xuất theo hướng hiện đại hóa, tự động nhằm giảm lao động thủ công, HĐQT thường xuyên theo dõi sát sao, đôn đốc thực hiện đầu tư hàng năm.

Trong 6 tháng cuối năm 2023: Công ty đã làm mẫu xét nghiệm nước dưới đất (tất cả các giếng).

- Hoàn thành lắp đặt thiết bị quan trắc tự động theo thông tư 17/2021/TT- CP 6 trạm gồm Trạm 1,4,5,6,7,8. Theo hợp đồng lắp đặt với Công ty cổ phần Thiết lập Công nghệ Thiết bị Systems tổng giá trị hợp đồng đã ký: 912.431.364^d. Trạm 3 và Đài 500 không thể được Senso đo mực nước do bị kẹt trong quá trình thả. Còn dư 02 thiết bị Sen so đo mực nước (dự tính 01 Senso cho thả giếng G2 tại trạm 7 sau khi thả bơm thử để kiểm tra lưu lượng tiến hành bơm thí nghiệm cấp phép mới kết hợp cùng giấy phép số 76 hết hạn 5/7/2024 thực hiện trước 90 ngày). Các Trạm chưa lắp đặt Senso sẽ thực hiện nhập thủ công mực nước lên địa chỉ dữ liệu quan trắc của Sở TN&MT trước 10g sáng hàng ngày.

- Các Trạm đã hoàn thành xong việc lắp đặt biến tần INVT 18.5Kw: tủ điện biến tần trạm bơm G4, Trạm bơm G7 và thay biến tần tủ điện trạm bơm G6 tổng giá trị thanh toán: 43.703.000^d

- Thay vật liệu lọc và lọc mái tôn trạm bơm G4 : 84.808.000^d ;

- Thả bơm đài 500m³ : 5.721.000^d

- Công trình chuyên đổi bồn lọc trạm bơm G8 và di dời bồn lọc Đài 500: 8.683.000^d

- Hoạt động đúng công suất được cấp phép tại các Giếng hiện nay như G500, Trạm 1 (chưa xin nâng công suất) theo quy định, không được chạy vượt công suất cấp phép trừ trường hợp vào những dịp lễ, tết khi có Công văn yêu cầu của UBND huyện. Việc xin điều chỉnh tăng lưu lượng nước khai thác nước ngầm dưới đất đang được thực hiện :

- Giấy phép số 66/GP-UBND ngày 9/8/2021 (Trạm bơm 1, 4, 8, đài 500): từ 2.300 m³/ngày đêm lên 2.900 m³/ngày đêm (giếng Đài 500 tăng 550 -600 m³/ngày đêm, G1 tăng 350 m³/ngày đêm, G8 giảm từ 550 m³/ngày đêm xuống 200 m³/ngày đêm).

- Giấy phép số 76/GP-UBND ngày 22/10/2021 (Trạm bơm số TB7): cấp thêm 01 giếng mới (GK9) lưu lượng 500-550 m³ /ngày đêm, TB7 dự định điều chỉnh tăng công suất lên 1.500 -1600 m³/ngày đêm.

- Trạm trung tâm văn hoá: Xin cấp phép 01 giếng (GK10) với công suất <math><1000\text{ m}^3/\text{ngày đêm}</math>.

Đến nay, công ty đã hoàn thành các thủ tục và đã được cấp phép khai thác tất cả các giếng theo đúng quy định của Pháp luật. Hoạt động cấp nước được liên tục và mở ra nhiều triển vọng mới trong tương lai.

- Về lĩnh vực đất đai: Đất đai Công ty trạm G1, G500, G8 đất đai chưa chuyển sang tên vẫn là cấp nước Lâm Đồng đứng tên. Đang hoàn thiện hồ sơ đo đạc.

+ Trạm số 7 đã có sổ.

+ Đất Trung tâm văn hoá đang bị treo do đất của tổ chức, huyện sẽ phối hợp TTVH trả đất để bên Công ty làm giấy tờ thuê đất.

- Đầu tư xây dựng cơ bản: Theo kế hoạch năm 2023: 2.877.754.000^d, đã thực hiện 2.133.178.131^d.

- Các công trình hoàn thành:

+ Công trình sang hệ khách hàng thôn Lăng Kú - Gung Ré; Công trình lắp đặt hệ thống cấp nước sinh hoạt đường Nguyễn Bình Khiêm - Đoàn Thị Diễm; Công trình nâng cấp – di dời - sửa chữa đường Lê Lai.

+ Các công trình chưa hoàn thành còn dang dở:

Công trình nâng cấp nội thị thị trấn Di Linh (Giai đoạn 2): Tổng giá trị hợp đồng: 2.239.144.994^d – đã nghiệm thu thanh toán 1.817.565.931^d;

Công trình mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt trên địa bàn xã Tân Châu: Tổng giá trị hợp đồng: 973.205.150^d đã nghiệm thu thanh toán: 966.687.050^d; và một số Công trình thi công di dời hệ thống nước thuộc dự án xây dựng hệ thống điện chiếu sáng và vỉa hè QL20; Công trình nâng cấp cấp, sửa chữa nước sinh hoạt trên địa bàn xã Gia Bắc và xã Hòa Bắc đã bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa hết thời hạn bảo hành công trình; Công trình nâng cấp cấp, sửa chữa nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn xã Gung Ré: đang thử áp, chưa bàn giao đưa vào sử dụng; Công trình di dời tuyến ống cấp nước sinh hoạt vành đai Đông Bắc; Công trình di dời hệ thống cấp nước sinh hoạt thuộc công trình đường Võ Văn Tần.

Hoạt động kinh doanh: HĐQT đã đề xuất các chiến lược, mục tiêu; chỉ đạo Ban điều hành tập trung vào các mục tiêu trọng yếu như giá thành SX, tăng doanh thu qua việc quản lý định mức sử dụng nước (rà soát định mức sử dụng nước đúng đối tượng), giá bán lẻ nước sinh hoạt có thay đổi kể từ ngày 01/02/2024 theo Quyết định số 04/2024/QĐ-CNDL ngày 17/01/2024 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Quy định về giá bán lẻ nước sinh hoạt của Công ty cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh; Công tác thay đổi phương thức ghi, thu ngoài việc ghi thu phải giám sát lẫn nhau kèm với chức năng quản lý giám sát địa bàn nhân viên ghi thu cần báo cáo và phát hiện những đột biến trong sử dụng, trong định mức, giám sát người tiêu dùng, các đơn vị bên ngoài và cả người của Công ty xâm phạm hệ thống cấp thoát nước, can thiệp vào đồng hồ nước. Việc thay đổi mô hình ghi thu cũng đã

==
08:
0N
3 P
0CV
11
-
==

giúp rút ngắn chu kỳ ghi thu nhờ đó việc đánh giá tỷ lệ thất thoát được chuẩn xác hơn.

2.7 Tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh:

2.7.1 TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH Báo cáo đã kiểm toán độc lập)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Từ ngày: 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023			
TÀI SẢN	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	2.923.178.468	5.105.183.577
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	105.179.761	48.243.187
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	1.084.847.942	1.251.615.899
IV. Hàng tồn kho	140	1.717.087.678	3.742.028.958
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	16.063.087	63.295.533
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	24.439.855.106	25.423.182.680
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		
II. Tài sản cố định	220	21.392.211.631	22.588.341.743
III. Bất động sản đầu tư	230		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	676.547.802	975.720.042
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		
VI. Tài sản dài hạn khác	260	2.371.095.673	1.859.120.895
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	27.363.033.574	30.528.366.257
NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300	9.920.548.132	13.255.781.395
I. Nợ ngắn hạn	310	9.667.098.132	13.107.031.395
II. Nợ dài hạn	330	253.450.000	148.750.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	17.442.485.442	17.272.584.862
I. Vốn chủ sở hữu	410	17.442.485.442	17.272.584.862
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440	27.363.033.574	30.528.366.257

2.7.2 Kết quả sản xuất kinh doanh (Báo cáo đã kiểm toán độc lập)

Từ ngày: 01/01/2023 Đến ngày: 31/12/2023				
Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023	Năm 2022	Tỷ lệ %
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18.385.886.827	19.210.091.497	95,71
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18.385.886.827	19.210.091.497	95,71
4. Giá vốn hàng bán	11	13.764.852.973	15.213.591.677	90,48
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	4.621.033.854	3.996.499.820	115,63
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	821.174	269.592	304,60
7. Chi phí tài chính	22	745.525.525	228.759.924	325,90
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	666.438.525	228.759.924	291,33
8. Chi phí bán hàng	24	164.745.015	214.734.374	76,72
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1.968.807.267	1.993.912.130	98,74
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	1.742.777.221	1.559.362.984	111,76
11. Thu nhập khác	31	64.682.919	69.983.773	92,43
12. Chi phí khác	32	1.014.428.324	615.627	164,780
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(949.745.405)	69.368.146	(1.369)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	793.031.816	1.628.731.130	48,69
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	360.272.835	346.147.116	104,08
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	432.758.981	1.282.584.014	33,74
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	82	681	12,04

2.7.3 Dự kiến phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2023.

ma

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	SỐ TIỀN
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	432.758.981
2	Trích 02 Quỹ theo điều lệ công ty	đồng	86.551.796
	+ Quỹ đầu tư phát triển 10%	đồng	43.275.898
	+ Quỹ khen thưởng-Phúc lợi 10%	đồng	43.275.898
3	DK: trích thù lao cho HĐQT-BKS năm 2023	đồng	134.600.000
4	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức	đồng	211.607.185
5	Vốn điều lệ công ty tại 31/12/2023	đồng	15.766.600.000
6	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ	%	1,34

2.7.4 Phân tích tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tỷ lệ so sánh
	(đồng)	(đồng)	%
+Tổng giá trị tài sản	30.527.793.233	27.363.033.574	89,63
+Doanh thu thuần	19.210.091.497	18.385.886.827	95,71
+Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.559.362.984	1.742.777.221	111,76
+Lợi nhuận khác	69.368.146	(949.745.405)	(1.369,14)
+Lợi nhuận trước thuế	1.628.731.130	793.031.816	48,69
+Lợi nhuận sau thuế	1.282.584.014	432.758.981	33,74
+ Dự kiến Cổ tức được chia	786.595.649	211.607.185	26,90
+ Dự kiến tỷ lệ chia cổ tức	5,25	1,34	25,56
Hình thức chia cổ tức năm 2023:	Cổ phiếu	Cổ phiếu	

2.7.5 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	Biến động
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,396	0,302	(0,0947)
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,004	0,011	0,0072
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	43,417	36,351	(7,066)
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	56,583	57,111	0,528
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,4893	5,0429	1,5536
Vòng quay tài sản	Vòng	0,6148	0,6148	-
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,677	2,212	(4,465)
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	7,426	2,335	(5,091)
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,202	1,486	(2,716)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	8,118	9,479	1,361

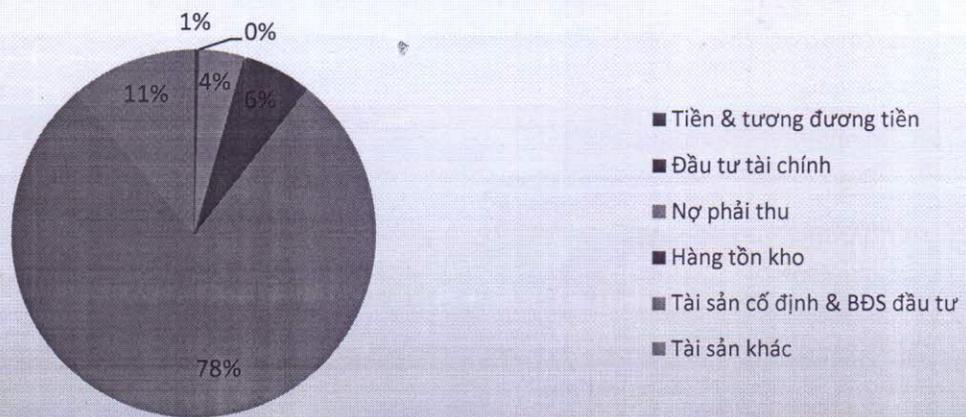
2.7.6 Phân tích tỷ số tài chính doanh nghiệp

1. Biểu đồ phân tích các tỷ trọng tài sản

Năm 2023

TT	Chỉ tiêu cấu thành tài sản trong phân tích	Giá trị	% làm tròn
I	Tổng tài sản	27.363.033.574	100%
1	Tiền & tương đương tiền	105.179.761	0%
2	Đầu tư tài chính	-	0%
3	Nợ phải thu	1.084.847.942	4%
4	Hàng tồn kho	1.717.087.678	6%
5	Tài sản cố định & BĐS đầu tư	21.392.211.631	78%
6	Tài sản khác	3.063.706.562	11%

Cơ cấu tài sản doanh nghiệp năm 2023

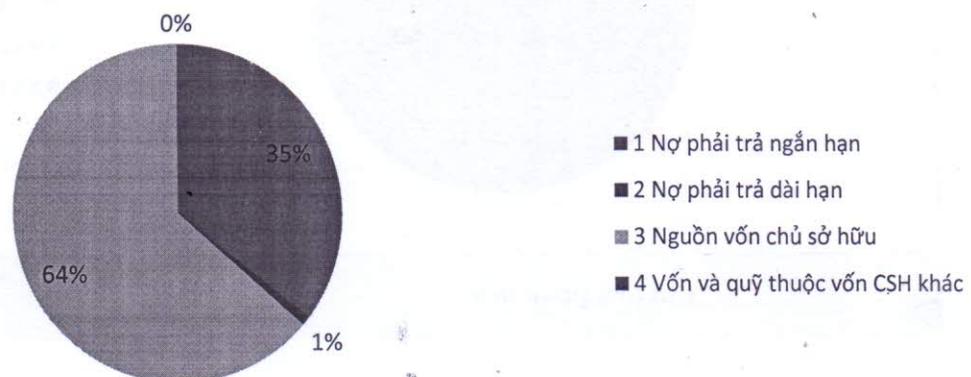


2. Biểu đồ phân tích các tỷ trọng nguồn vốn

Năm 2023

TT	Chỉ tiêu cấu thành nguồn vốn kỳ phân tích	Giá trị	% làm tròn
II	Tổng nguồn vốn	27.363.033.574	100%
1	Nợ phải trả ngắn hạn	9.693.218.280	35%
2	Nợ phải trả dài hạn	253.450.000	1%
3	Nguồn vốn chủ sở hữu	17.416.365.294	64%
4	Vốn và quỹ thuộc vốn CSH khác	-	0%

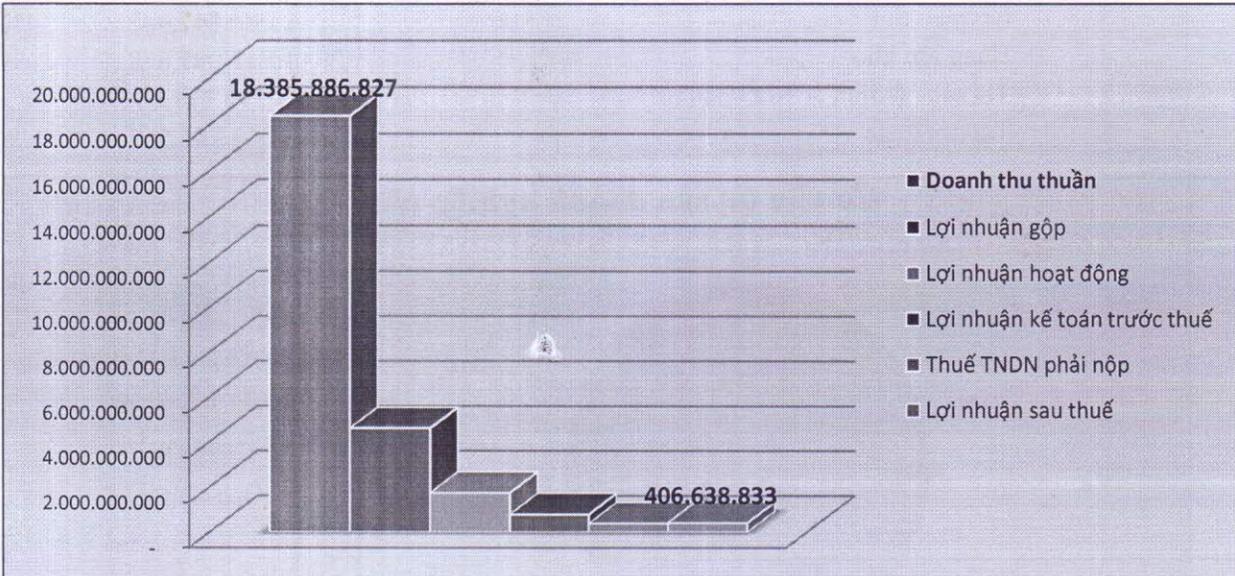
Biểu đồ phân tích cơ cấu vốn kỳ này



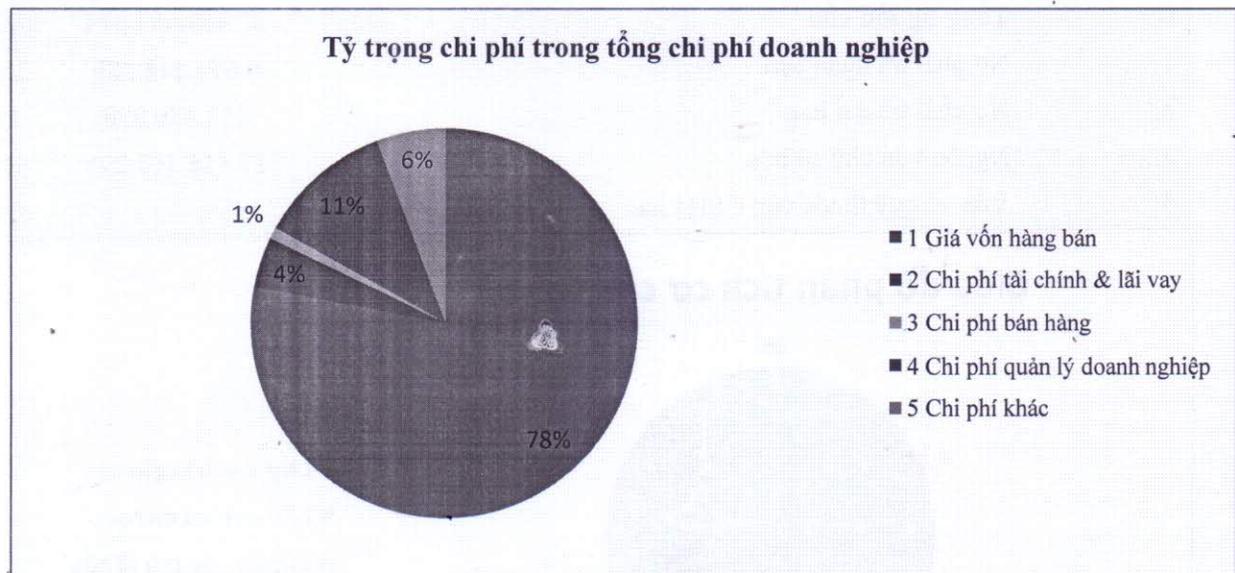
Handwritten signature

SỞ TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ THUẾ

TT	Chỉ tiêu phân tích	Giá trị	% so với DTT
III	Doanh thu thuần	18.385.886.827	100%
1	Lợi nhuận gộp	4.621.033.854	25%
2	Lợi nhuận hoạt động	1.742.777.221	9%
3	Lợi nhuận kế toán trước thuế	793.031.816	4%
4	Thuế TNDN phải nộp	360.272.835	2%
5	Lợi nhuận sau thuế	432.758.981	2%

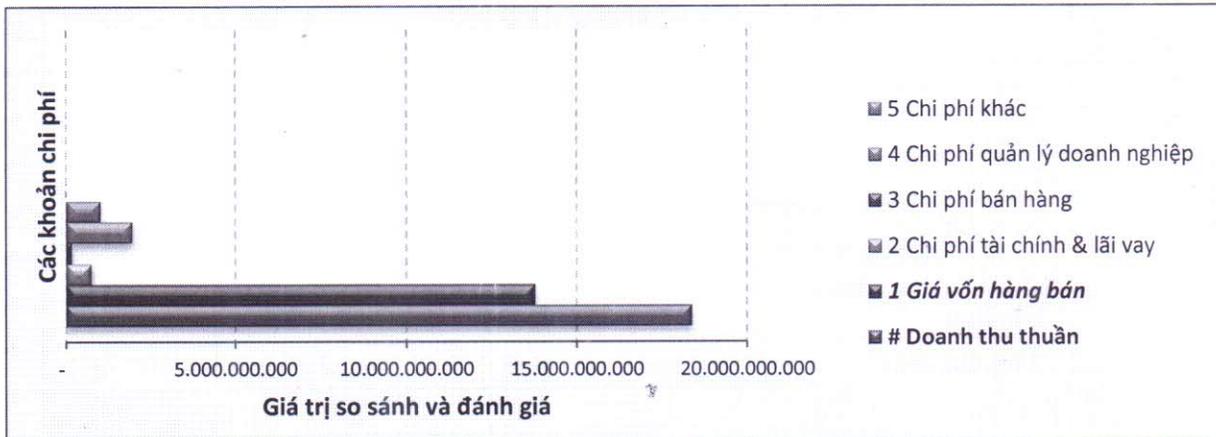


TT	Chỉ tiêu phân tích	Giá trị	%
IV	Tổng chi phí	17.658.359.104	100%
1	Giá vốn hàng bán	13.764.852.973	78%
2	Chi phí tài chính & lãi vay	745.525.525	4%
3	Chi phí bán hàng	164.745.015	1%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.968.807.267	11%
5	Chi phí khác	1.014.428.324	6%



Chỉ tiêu phân tích	Giá trị	%
--------------------	---------	---

V	Doanh thu thuần	18.385.886.827	100%
1	Giá vốn hàng bán	13.764.852.973	75%
2	Chi phí tài chính & lãi vay	745.525.525	4%
3	Chi phí bán hàng	164.745.015	1%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.968.807.267	11%
5	Chi phí khác	1.014.428.324	6%



2.8 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

2.8.1 Cổ phần (tính đến 31/12/2023)

Cổ phần:

- Tổng số cổ phần : 1.576.660 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng : 1.576.660 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: không
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng /cổ phần
- Loại cổ phần : Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông

2.8.2 Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2023.

Tính đến 31/12/2023 số lượng cổ đông hiện hữu của Công ty là: 27 cổ đông nắm giữ: 1.576.660 cổ phiếu phổ thông.

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu(%)
I	Cổ đông trong nước	1.576.660	15.766.600.000	100,00
1	Cổ đông tổ chức	1.229.248	12.292.480.000	77,97
2	Cổ đông cá nhân	347.412	3.474.120.000	22,03
	Tổng cộng	1.576.660	15.766.600.000	100,00

2.8.3 Tình hình chuyển nhượng cổ phiếu phổ thông trong năm 2023.

Trong năm 2023 có 04 lượt cổ đông công ty chuyển nhượng cổ phần với tổng số cổ phần giao dịch thành công là: 892.067 Cổ phần. Giá trị chuyển nhượng thành công là: 15.466.681.500 đồng. (Bằng chữ: Mười lăm tỷ, bốn trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi một ngàn, năm trăm đồng chẵn).

2.8.4 Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024: :

Ma

THỰC HIỆN NĂM 2023 KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

ST T	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2023			Kế hoạch 2024	
			KẾ HOẠCH 2023	THỰC HIỆN NĂM 2023	Tỷ lệ	KẾ HOẠCH NĂM 2024	Tỷ lệ %
1	Nước sản xuất	<i>m³</i>	2.001.783	1.996.914	99,76	2.236.544	112,0
a	Di Linh		1.875.195	1.804.266	96,22	2.064.924	114,4
b	Hòa Ninh		126.588	192.648	152,19	171.620	89,1
2	Nước Ghi thu	<i>m³</i>	1.600.130	1.505.389	94,08	1.730.775	115,0
a	Di Linh		1.500.126	1.390.316	92,68	1.610.641	115,8
b	Hòa Ninh		100.004	115.073	115,07	120.134	104,4
3	Tỷ lệ thất thoát	<i>%</i>	20,06	24,61	122,67	22,61	91,9
a	Di Linh		20,00	22,94	114,71	22,00	95,9
b	Hòa Ninh		21,00	40,27	191,75	30,00	74,5
4	Tổng doanh thu	<i>đồng</i>	20.014.597.000	18.385.886.827	91,86	19.390.600.000	105,5
a	Doanh thu nước sạch	<i>đồng</i>	16.682.257.000	14.773.448.746	88,56	18.000.100.000	121,8
b	Doanh thu XDCB	<i>đồng</i>	2.000.000.000	2.539.623.847	126,98	500.000.000	19,7
c	Doanh thu lắp đặt Chiết tính	<i>đồng</i>	773.940.000	683.395.934	88,30	608.000.000	89,0
d	Doanh thu mua bán vật tư	<i>đồng</i>	399.000.000	301.071.897	75,46	120.000.000	39,9
e	Doanh thu Khác	<i>đồng</i>	159.400.000	88.346.403	55,42	162.500.000	183,9
5	Giá bán nước sạch	<i>đ/m³</i>	10.426	9.814	94,13	10.400	106,0
6	CBCNV công ty						
a	Số lượng lao động bình quân	<i>người</i>	38	36	94,74	40	111,1
b	Tổng quỹ lương CBCNV	<i>đồng</i>	4.496.728.830	3.902.105.772	86,78	4.615.000.000	118,3
c	Thu nhập bình quân CBCNV	<i>ng/tháng</i>	9.900.000	9.000.000	90,91	9.600.000	106,7
7	Vốn Điều lệ công ty	<i>đồng</i>	14.980.000.000	15.766.600.000	105,25	55.766.600.000	353,7
8	Khách hàng	<i>Hộ</i>	10.668	12.909	121,01	13.269	102,8
a	Trong đó Khách hàng tăng trong kỳ	<i>Hộ</i>	520	452	86,92	360	79,6
	+ Tăng bình thường	<i>Hộ</i>	520	452	86,92	360	79,6
b	Tỷ lệ tồn thu	<i>%</i>	≤ 1%	≤ 1%		≤ 1%	
9	Lợi nhuận trước thuế TNDN	<i>đồng</i>	2.185.441.600	793.031.816	36,29	4.324.000.000	545,2
10	Mức KHTSCĐ	<i>đồng</i>	1.992.000.000	2.172.998.944	109,09	2.238.200.000	103,0
11	Mức Phân bổ ngắn hạn	<i>đồng</i>	40.600.000	38.671.664	95,25	41.800.000	108,1
12	Mức Phân bổ dài hạn	<i>đồng</i>	838.000.000	854.605.934	101,98	897.300.000	105,0
13	Tổng thuế phí phải nộp NSNN	<i>đồng</i>	2.941.349.901	2.965.309.565	100,81	3.264.725.400	110,1
a	Thuế các loại	<i>đồng</i>	1.389.900.000	1.591.485.532	114,50	1.655.100.000	104,0
b	Phí bảo vệ môi trường	<i>đồng</i>	1.551.449.901	1.373.824.033	88,55	1.609.625.400	117,2

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2024				
			KẾ HOẠCH 2023	THỰC HIỆN 2023	Tỷ lệ	KẾ HOẠCH NĂM 2024	Tỷ lệ %
14	Tổng Mức đầu tư XDCB	đồng	2.877.754.000	2.133.178.131	74,1	42.795.479.000	2.006,2
	a Đầu tư XDCB- Danh sách đầu tư kèm theo.	đồng	2.544.654.000	1.791.314.509	70,4	42.434.000.000	2.368,9
	b Lắp đặt Ống nhánh NĐ 117	đồng	156.600.000	101.370.076	64,7	104.411.000	103,0
	c Mua sắm tài sản ngắn hạn	đồng	31.000.000	13.020.000	42,0	13.671.000	105,0
	d Mua sắm tài sản dài hạn	đồng	145.500.000	227.473.546	156,3	243.397.000	107,0
15	Doanh thu	đồng	20.014.597.000	18.385.886.827	91,9	19.390.600.000	105,5
	a Nước sạch	đồng	16.682.257.000	14.773.448.746	88,6	18.000.100.000	121,8
	b XDCB	đồng	2.000.000.000	2.539.623.847	127,0	500.000.000	19,7
	c Lắp đặt Ống nhánh	đồng	773.940.000	683.395.934	88,3	608.000.000	89,0
	d Khác	đồng	558.400.000	389.418.300	69,7	282.500.000	72,5
16	Giá thành toàn bộ	đồng	17.829.155.400	17.592.855.041	98,7	15.066.600.000	85,6
	a Nước sạch	đồng	15.185.244.148	13.623.471.277	89,7	13.896.077.200	102,0
	b XDCB	đồng	1.745.400.000	2.216.259.216	127,0	348.988.150	15,7
	c Lắp đặt Ống nhánh	đồng	544.108.692	506.970.350	93,2	554.374.400	109,4
	d Khác	đồng	354.402.560	1.246.154.198	351,6	267.160.250	21,4
17	Lợi nhuận trước thuế TNDN	đồng	2.185.441.600	793.031.816	36,3	4.324.000.000	545,2
	a Trong đó lợi nhuận từ SXKD		2.185.441.600	793.031.816	36,3	4.324.000.000	545,2
	b Lợi nhuận từ hoạt động tài chính		-	-	-	-	-
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	1.748.353.280	432.758.981	24,8	3.459.200.000	799,3
19	Dự Kiến phân phối lợi nhuận						
	a Trích 02 quỹ theo điều lệ công ty	đồng	349.670.656	86.551.796	24,8	691.840.000	799,3
	+ Quỹ đầu tư phát triển 10%	đồng	174.835.328	43.275.898	24,8	345.920.000	799,3
	+ Quỹ khen thưởng - phúc lợi 10%	đồng	174.835.328	43.275.898	24,8	345.920.000	799,3
	b Thù lao HĐQT-BKS dự kiến	đồng	134.600.000	134.600.000	100,0	516.000.000	383,4
	+ Hội đồng quản trị (03 người)	đồng/năm	80.600.000	80.600.000	100,0	360.000.000	446,7
	+ Ban kiểm soát (03 người)	đồng/năm	42.000.000	42.000.000	100,0	132.000.000	314,3
	+ Thư ký HĐQT (01 người)	đồng/năm	12.000.000	12.000.000	100,0	24.000.000	200,0
	c Vốn Điều lệ công ty	đồng	15.766.660.000	15.766.600.000	100,0	55.766.600.000	353,7
20	Chia cổ tức	đồng	1.264.082.624	211.607.185	16,7	2.251.360.000	1.063,9
21	Tỷ lệ chia cổ tức	%	8,02	1,34	16,7	4,04	300,8

CÔNG TY CỔ PHẦN

ma

B. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2024

Những khó khăn của Công ty cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh hiện nay:

- Khó khăn về nguồn cấp nước (nước ngầm): Nguồn nước hiện nay tại Di Linh do biến đổi khí hậu có một số giếng bị cạn kiệt, không đủ lưu lượng để khai thác trong khi đó nhu cầu dùng nước của người dân ngày càng cao. Trong khi đó kế hoạch chuyển sang nước mặt cần kinh phí đầu tư rất lớn. Vì vậy, công ty gặp nhiều khó khăn về nguồn nước lẫn tài chính để tái đầu tư cơ sở hạ tầng của Cấp nước.
- Khó khăn trong việc điều hành mạng cấp nước: Tuyến ống truyền tải tại Di Linh hình thành từ năm 1979, đa số là tuyến ống gang và sắt, những năm gần đây Công ty đã cải tạo một số qua ống PVC hoặc HDPE, PPR nhưng cũng chưa triệt để do thiếu vốn đầu tư dài hạn. Mạng chắp vá, vừa sử dụng chung để tải và cấp luôn. (Không có trung tâm điều phối nước do Đài nước đã xuống cấp và hư hỏng). Vấn đề này làm cho bể vỡ trở nên thường xuyên hơn, gây nên việc thất thoát một lượng nước khá lớn.
- Khó khăn trong việc quỹ đất tại một số giếng chủ lực, trong quá trình liên hệ với cơ quan chức năng để được cấp phép theo đúng quy định của pháp luật nên việc khai thác nước bị ngưng lại trong một thời gian dài gây ảnh hưởng đến doanh thu- lợi nhuận của Công ty bên cạnh gây bức xúc của người dân trong vấn đề không đủ nước để sinh hoạt trên địa bàn huyện Di Linh, đặc biệt là các khu vực cao và khu đồng bào dân tộc.
- Khó khăn trong công tác chống thất thoát: Thiết bị dò tìm không phát huy được khả năng do hệ thống ống cái cấp nước hiện hữu sâu dưới đất, bên cạnh trong thời gian trước lắp đặt hệ thống nước vật tư đầu vào chưa đồng bộ, dễ gây nên xì xịt, bể vỡ...vv
- Khó khăn trong nguồn vốn đầu tư: Trong giai đoạn kinh tế khó khăn, việc đầu tư một số vốn lớn cần có sự đồng thuận của Cổ đông Công ty và nhà đầu tư. Do đó việc chuyển dần sang nước mặt trong tương lai tại Di Linh cũng gặp quá nhiều khó khăn.
- Hệ thống trụ cứu hỏa trên địa bàn thị trấn đã sẵn sàng cho công tác PCCC. Tuy nhiên, cấp kinh phí cấp nước để phục vụ cho PCCC của UBND huyện Di Linh còn chậm.
- Hiện nay, tại Công ty cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh không có bể chứa nước để điều áp, lưu lượng nước khai thác và cung cấp. Do đó gây nên tình trạng bể vỡ lớn và thường xuyên, điều này làm tăng cao tỷ lệ thất thoát.

Để giữ vững sự ổn định và phát triển, đảm bảo kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi ích tối đa của cổ đông, quyền lợi, điều kiện làm việc tốt cho người lao động, đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội. HĐQT xác định phương hướng hoạt động năm 2024 như sau:

1. Xây dựng phương án nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất- kinh doanh nhằm đảm bảo tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu trong những năm tiếp theo luôn đạt giá trị tốt.
2. Nghiên cứu, từng bước áp dụng chuyển đổi số với từng lĩnh vực hoạt động của Công ty, trước mắt cần xây dựng lộ trình chuyển đổi hợp lý để thay đổi nhận thức, tư duy quản lý công việc và văn hóa tổ chức, cung cấp những thông tin, dữ liệu một cách nhanh chóng, giảm thiểu tối đa chi phí vận hành, duy trì được yếu tố lợi thế cạnh tranh của Công ty, đẩy mạnh chuyển đổi số theo hướng mang lại kết quả thực chất, bền vững, ưu tiên nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu quan trọng thuộc các Chương trình, Chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế số; phân đấu ban hành danh mục cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý và kế hoạch, lộ trình cụ thể để xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu trong danh mục; khai thác tối đa kho dữ liệu điện tử của tổ chức để giải quyết thủ tục cấp nước cho khách hàng. Tiếp tục thực hiện tái sắp xếp theo hướng tinh gọn phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh đa dạng hướng đến một Công ty đa ngành nghề, chuyên nghiệp.
3. Hoàn thiện phương án chống thất thoát, giảm tỷ lệ thất thoát thất thu nước với mong muốn tỷ lệ thất thoát giảm hàng năm là 1%, thì đến năm 2030 là 15%/năm. Căn cứ tỷ lệ thất thoát hàng năm được ĐHĐCĐ phê duyệt, Ban Điều hành Công ty xây dựng biện pháp thực hiện và xây dựng hiệu quả hơn nữa cho việc chống thất thu, thất thoát. Ngoài ra Ban Điều hành cho xây dựng phương án (lộ trình cụ thể) chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2030 nhằm đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch trong thời gian tới. Phân đấu giảm tỷ lệ thất thoát năm 2024 xuống: khoảng 22% và phân đấu cho những năm tiếp theo dưới 20%.
4. Phân đấu phủ kín và đáp ứng nhu cầu dùng nước của người dân trên địa bàn huyện Di Linh đạt từ 80% trở lên.
5. Hoàn thiện và thực hiện quy trình cấp phép trong lĩnh vực khai thác và lĩnh vực đất đai hiện nay của công ty.
6. Đầu tư vào hệ thống nước mặt KaLa trong khi chuyển dịch từ khai thác nước ngầm sang khai thác nước mặt theo lộ trình khai thác tài nguyên nước của Chính phủ. Triển khai dự án trong năm 2024 bằng việc huy động vốn để tăng vốn điều lệ
7. Sử dụng hợp lý nguồn vốn hiện có, phân kỳ đầu tư hợp lý với mục tiêu chính là đảm bảo cung cấp nước đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương, giá nước phù hợp bảo đảm khả năng chi trả của người dân và kế hoạch trả nợ và có lãi cho Công ty.
8. Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để hội

nhập; tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần người lao động.

9. Đầu tư trang thiết bị nhằm đổi mới, cải thiện công nghệ, tăng năng suất, giảm lao động, bảo đảm an toàn trong lao động, thúc đẩy các chương trình ứng dụng công nghệ thông tin cho việc quản trị Công ty. Tập trung đầu tư, đổi mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo đảm hoạt động SXKD có hiệu quả cao, tiến đến cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng; đảm bảo an ninh tài nguyên nước sạch, cấp nước trong điều kiện thiên tai, biến đổi khí hậu,... cấp nước an toàn và hiệu quả.

Trên đây là Báo cáo tổng kết, đánh giá hoạt động Ban điều hành năm 2023 và một số định hướng hoạt động năm 2024. Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được ý kiến đóng góp của Quý cổ đông, đặc biệt chỉ ra những hạn chế trong công tác quản lý Công ty và giám sát Ban điều hành để giúp HĐQT hoạt động ngày càng tốt hơn và qua đó làm cơ sở để Ban điều hành phân đấu hoàn thành những mục tiêu được ĐHCĐ giao phó.

Trân trọng gửi đến toàn thể Quý vị cổ đông và gia đình lời chúc sức khỏe và thành đạt./.



Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;
- HĐQT-BKS;
- Diliwaco.com;
- Lưu VT/TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRẦN DOãn HẢI